

PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Phạm Thị Thanh Mai¹, Nguyễn Mạnh Hùng²,
Dương Thị Phương Thảo³

Tóm tắt

Huyện Đại Từ được biết đến với nhiều cảnh quan đẹp, hấp dẫn, thuận lợi cho việc phát triển du lịch. Tuy nhiên, việc khai thác thế mạnh du lịch ở Đại Từ đạt hiệu quả chưa cao. Nghiên cứu sử dụng hệ thống dữ liệu thứ cấp và sơ cấp, sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh để phân tích, đánh giá thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn huyện. Kết quả cho thấy, du lịch tại Đại Từ còn nhiều hạn chế về quy mô và chất lượng dịch vụ, thiếu cơ chế đặc thù riêng, các sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, lượng khách lưu trú không cao, các hoạt động du lịch còn manh mún, thiếu đầu tư bài bản, công tác truyền thông chưa tốt, hạn chế về cơ sở vật chất, trang thiết bị, lực lượng lao động còn thiếu kiến thức và yếu về kỹ năng. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp để khai thác tối đa tiềm năng du lịch nhằm phát triển hoạt động du lịch trên địa bàn huyện Đại Từ, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Từ khóa: Phát triển, du lịch, huyện, Đại Từ, Thái Nguyên.

DEVELOPING TOURISM IN DAI TU DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

Abstract

Dai Tu district is known for its many beautiful and attractive landscapes, favorable for tourism development. However, exploiting tourism in Dai Tu has not been effective. The study uses both secondary and primary data with descriptive statistics and comparative methods to analyze and evaluate the current state of tourism development in the district. The results show that tourism in Dai Tu still has many limitations in terms of scale and service quality, and lacks its own specific mechanism. Moreover, tourism products are poor, the number of visitors is not high, and tourism activities are still fragmented. There is a lack of systematic investment, poor communication, limited facilities and equipment; and the workforce lacks knowledge and has weak skills. Thereby, the study proposes a number of solutions to maximize tourism potential for tourism activities in Dai Tu district, promoting local economic development.

Keywords: Development, tourism, district, Dai Tu, Thai Nguyen.

JEL classification: L83.

1. Đặt vấn đề

Đây mạnh phát triển du lịch gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương, nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, bao trùm và phát triển bền vững. Với lợi thế nằm ở vùng trung du, miền núi phía Bắc nên Thái Nguyên sở hữu điều kiện địa hình, tự nhiên và khí hậu thuận lợi cho việc phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn. Địa hình tự nhiên đã tạo cho Thái Nguyên nhiều cảnh quan đẹp, hấp dẫn; khí hậu quanh năm trong lành, mát mẻ, phù hợp với việc phát triển các loại cây trồng, vật nuôi để tạo nên nhiều sản phẩm và mô hình nông nghiệp thu hút du khách.

Trong những năm gần đây, cùng với xu thế phát triển mạnh của du lịch tỉnh Thái Nguyên, khu vực Đại Từ đang thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư, vì vậy việc phát triển du lịch ở huyện Đại Từ trong thời gian tới là rất cần thiết. Huyện Đại Từ được biết đến với lợi thế về du lịch cộng đồng, nông nghiệp gắn với văn hóa trà. Tại hai xã La Bằng, Hoàng Nông có nhiều đồi chè đẹp nhất nhì khu vực phía Bắc với sản phẩm chè ngon nổi tiếng trong nước và quốc tế. Ngoài ra về vị trí địa lý huyện Đại Từ nằm ở sườn đông dãy Tam Đảo (với 10 xã giáp chân núi Tam Đảo) quanh năm mát mẻ, nguồn nước mát từ trong núi chảy ra... Đây là lợi thế nổi trội giúp Đại Từ có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp hơn so với các khu vực khác trong tỉnh.

Tuy nhiên, sự lặp lại mô hình du lịch của các vùng khác nhau trong khu vực, sự giảm sút của nguồn tài nguyên du lịch và ô nhiễm môi trường, cũng như nguy cơ mất dần phong cách văn hóa bản địa của người dân ở một vài nơi, cộng với sự đầu tư chưa thỏa đáng... đã làm cho việc khai thác thế mạnh du lịch ở Đại Từ đạt hiệu quả chưa cao. Du lịch tại Đại Từ chưa phát triển nên các hoạt động dịch vụ phục vụ cho ngành du lịch còn nghèo nàn. Ngoại trừ khu du lịch Hồ Núi Cốc là điểm du lịch của tỉnh, các hoạt động du lịch tại các điểm du lịch của huyện còn rất giản đơn, mới chỉ tập trung một số dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, ăn uống phục vụ sinh hoạt, dịch vụ vận tải..., tập trung chính ở Thị trấn Đại Từ và khu du lịch Hồ Núi Cốc xã Tân Thái, chưa có các hoạt động lễ hội, các hoạt động văn hoá phục vụ cho du lịch. Chính vì vậy cần tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cao trong đầu tư, khai thác du lịch tại Đại Từ sao cho tương xứng tiềm năng và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Giáo trình Kinh tế Du lịch của Nguyễn Thị Nguyên Hồng và Vũ Đức Minh (2020) đã tổng hợp những lý luận khái quát về ngành du lịch, thị trường du lịch, công ty đa quốc gia trong du lịch. Đồng thời giáo trình còn bao hàm những vấn đề kinh tế du lịch như: cân cân thanh toán trong du lịch, đầu tư du lịch, lao động và vốn kinh doanh du lịch, chi phí và lợi nhuận kinh doanh du lịch, hiệu quả kinh tế - xã hội của du lịch.

Lê Văn Minh (2015), với nghiên cứu “Xu hướng phát triển thị trường khách du lịch quốc tế và sản phẩm du lịch của Việt Nam” đề cập tới thực trạng về thị trường và sản phẩm của du lịch Việt Nam hiện nay, đánh giá cụ thể, chi tiết thị trường khách quốc tế của du lịch Việt Nam trong thời gian qua về phương tiện du lịch, mục đích chuyến đi... Từ đó đề ra xu hướng phát triển cho thị trường khách quốc tế và sản phẩm du lịch của Việt Nam.

Nghiên cứu của Phạm Thị Thu Nga và các cộng sự (2020) về Phát triển du lịch MICE tại thành phố Hồ Chí Minh đã khái quát những vấn đề cơ bản về du lịch du lịch MICE là loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức

sự kiện, du lịch khen thưởng của các công ty cho nhân viên, đối tác. Nghiên cứu đã đánh giá tiềm năng phát triển của loại hình du lịch này, phân tích thực trạng phát triển du lịch MICE ở TP. Hồ Chí Minh từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển du lịch MICE trong thời gian tới.

Nguyễn Thị Tình (2023) với công trình Phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Con Cuông - tỉnh Nghệ An đã khái quát những vấn đề cơ bản về du lịch cộng đồng như các khái niệm, các đặc điểm, các yêu cầu, nguyên tắc phát triển du lịch cộng đồng... Từ kết quả nghiên cứu tác giả đã đưa ra các giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng ở huyện Con Cuông nhằm khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển du lịch cộng đồng.

Nguyễn Thế Hải và các cộng sự (2023) đã nghiên cứu thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tiếp thị và bán hàng tại các trang trại và hợp tác xã du lịch nông nghiệp ở tỉnh Thái Nguyên. Kết quả cho thấy, du lịch nông nghiệp đã được phát triển, công nghệ thông tin đã được các trang trại và hợp tác xã ứng dụng nhiều tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế. Chỉ có 3/8 điểm nghiên cứu là có website riêng trong đó có một hợp tác xã có thông tin đầy đủ và cập nhật, 8 điểm nghiên cứu có đưa các thông tin lên fanpage, facebook nhưng chỉ có Hoàng Nông farm có thông tin đầy đủ.

Đã có nhiều công trình có giá trị quan trọng về mặt khoa học và thực tiễn nghiên cứu về phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch gắn với nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu riêng đi sâu về phát triển du lịch trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp là các văn bản, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển du lịch của Tỉnh Thái Nguyên nói chung và của huyện Đại Từ nói riêng; Các báo cáo của địa phương và các cơ quan có liên quan về lĩnh vực này trên địa bàn tỉnh; Các tài liệu từ các công trình nghiên cứu.

Dữ liệu sơ cấp được thực hiện giải quyết mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, với hướng tiếp cận từ môi trường kinh doanh, tác giả xác định đối tượng điều tra là các du khách đến tham quan, du lịch tại các điểm du lịch trên địa bàn huyện Đại Từ và chủ các cơ sở kinh doanh dịch vụ. Mẫu điều tra được lựa chọn ngẫu nhiên. Cỡ mẫu điều tra tối thiểu được xác định dựa trên nghiên cứu của Comrey và Lee (1973): $n = 5 \times m$. Trong đó, n là cỡ mẫu tối thiểu và m là số câu hỏi trong bảng hỏi. Với 14 câu hỏi trong Phiếu điều tra du khách, tác giả đã tiến hành khảo sát 100 khách du lịch ngẫu nhiên tại các điểm du lịch Hồ Núi Cốc, Suối Kẹm, HTX chè La Bằng, Hoàng Nông Farm và khu du lịch

Cửa Từ, mỗi địa điểm 20 phiếu. Với 02 câu hỏi về sự liên kết trong hoạt động du lịch sinh thái tại huyện Đại Từ khi khảo sát các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, tác giả sử dụng 10 phiếu đại diện.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh, kết hợp công cụ excel để phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói chung và cụ thể thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn huyện Đại Từ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng hoạt động du lịch tỉnh Thái Nguyên

4.1.1. Thị trường khách du lịch

Bảng 1: Số lượt khách du lịch đến Thái Nguyên giai đoạn 2018-2022

Đơn vị tính: nghìn lượt

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	Tăng trưởng BQ (%)
Khách do các CSLT phục vụ	1.406	1.495	1.006	881,5	1.322,4	2,82
- Khách trong nước	1.383	1.470	989,1	863,8	1.296	2,74
- Khách quốc tế	23	25	16,8	17,6	26,5	7,81
Khách do các CSLH phục vụ	13	14,5	6,7	4,7	7,2	-4,73
Tổng cộng	1.419,0	1.509,5	1.012,7	886,2	1.329,6	2,75
So sánh với năm trước	-	90,5	-496,8	-126,5	443,4	

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2022

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vào năm 2020, 2021 nên lượng khách giảm đi đáng kể vào 2 năm này. Đến năm 2022 đã có 1.329,6 nghìn lượt khách du lịch đến với Thái Nguyên, trong đó, khách nội địa do các cơ sở lưu trú (CSLT) phục vụ là 1.296 nghìn lượt khách, khách quốc tế là 26,5 sự gia tăng mạnh mẽ. So với năm 2021 số lượng khách du lịch đã tăng 443,4 nghìn lượt. Tốc độ tăng trưởng bình quân

(BQ) lượng khách du lịch giai đoạn 2018 – 2022 đạt 2,75% năm. Nhưng số lượng khách do các cơ sở lưu trú (CSLT) phục vụ lại có chiều hướng giảm dần, trung bình giai đoạn 2018-2022 giảm 4,73% năm. Trong đó, khách du lịch nội địa chiếm phần lớn, bình quân 97% tổng số khách du lịch của tỉnh. Ngày lưu trú trung bình của khách du lịch quốc tế đến Thái Nguyên còn thấp, dao động trong khoảng 1,5 - 1,8 ngày.

Bảng 2: Doanh thu từ dịch vụ lưu trú, ăn uống và lữ hành tại Thái Nguyên

Đơn vị tính: tỷ đồng

Doanh thu	2018	2019	2020	2021	2022	Tăng trưởng BQ (%)
Từ dịch vụ lưu trú, ăn uống	3.366,1	3.751,7	3.468,2	3.753,7	7.085,8	25,2
- Từ dịch vụ lưu trú	295,8	321,2	216,0	189,5	375,7	15,5
- Từ dịch vụ ăn uống	3.070,3	3.430,5	3.252,2	3.564,2	6.710,1	26,1
Từ du lịch lữ hành	79,1	87,0	42,7	29,7	170,8	100,9
Tổng cộng	3.445,2	3.838,7	3.510,9	3.783,4	7.256,6	25,6
So sánh với năm trước	-	393,5	-327,8	272,5	3.473,2	

Đến hết năm 2022 tổng doanh thu của hoạt động du lịch trong năm đạt 7.256,6 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu thu từ dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 7.085,8 tỷ đồng (chiếm 97,6%). Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu từ du lịch của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 – 2022 đạt 25,6%. Như vậy, tổng doanh thu từ các cơ sở lưu trú du lịch và dịch vụ lữ hành của Thái Nguyên trong những năm vừa qua mặc dù có tăng lên qua các năm, trừ năm 2020 do dịch Covid song tốc độ tăng không cao. So với tiềm năng du lịch của Thái Nguyên thì mức doanh thu đạt được này chưa thực sự tương xứng.

4.1.2. Hệ thống sản phẩm du lịch

Theo báo cáo số 515/BC-SVHTTDL của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thái Nguyên năm 2021, và UBND tỉnh Thái Nguyên, Thái Nguyên có một số sản phẩm du lịch như:

Sản phẩm du lịch cộng đồng, nông thôn gắn với văn hóa trà: Trong thời gian qua, hoạt động du lịch cộng đồng gắn với văn hóa trà đã từng bước được đầu tư, khai thác và bước đầu hình thành một số sản phẩm du lịch như: Không gian văn hóa Trà – vùng chè Tân Cương, Khu bảo tồn làng nhà sàn dân tộc sinh thái Thái Hải, Làng văn hóa dân tộc bản Quyền... Giai đoạn 2021 - 2022, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định công nhận 03 Điểm du lịch (Điểm du lịch sinh thái Phụng Hoàng, xã Phú Thượng huyện Võ Nhai;

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2022

Điểm du lịch cộng đồng xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên và Điểm du lịch cộng đồng xóm Mỏ Gà, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai).

Sản phẩm du lịch văn hóa, tâm linh, lịch sử, về nguồn: Khu di tích lịch sử sinh thái ATK Định Hóa được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt năm 2012 với 13 điểm di tích và là địa chỉ đỏ trong tour du lịch về nguồn của tỉnh Thái Nguyên. Hàng năm, khu di tích đón hơn 600.000 lượt khách về dâng hương, tham quan. Bên cạnh đó còn có các điểm đến trong tour du lịch văn hóa, tâm linh, về nguồn như: Khu di tích lịch sử Quốc gia Đại đội 915, đội 91 Bắc Thái; Khu di tích Lý Nam Đế; Địa điểm công bố ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7; Quần thể núi Văn – núi Võ; Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam; đền Đuối; chùa Hang; chùa Phú Liễn; Đình – đền – chùa Cầu Muối,... Sản phẩm du lịch văn hóa, tâm linh, lịch sử, về nguồn có nhiều điểm đến riêng có của Thái Nguyên, nhưng bên cạnh đó, việc khai thác phát triển du lịch chưa thật sự hiệu quả, khách du lịch chủ yếu đi trong ngày, chưa có các dịch vụ du lịch hỗ trợ giữ khách lưu lại dài ngày.

Sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: Sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trọng điểm hiện nay là KDLQG Hồ Núi Cốc, đã được Thủ tướng phê duyệt theo Quyết định số 2228/QĐ-TTg ngày 18/11/2016 về việc “Quy hoạch phát triển tổng thể khu du lịch Quốc gia Hồ Núi Cốc

tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, định hướng đến 2030” với các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, mua sắm phù hợp với nhiều đối tượng khách.

Mặc dù có nhiều tài nguyên du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng đa dạng, hấp dẫn nhưng hiện loại hình du lịch này chưa được đầu tư tương xứng với tiềm năng, chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn; các doanh nghiệp khai thác du lịch với quy mô còn hạn chế, chưa xây dựng được các sản phẩm dịch vụ bổ trợ, vui chơi giải trí thu hút khách du lịch lưu lại.

Sản phẩm du lịch MICE, thể thao, khám phá hang động mạo hiểm: Sản phẩm du lịch MICE, thể thao, khám phá hang động mạo hiểm đang được tạo điều kiện thuận lợi phát triển tại một số điểm như: KDLQG Hồ Núi Cốc, Khu vực sườn tây, sườn đông dãy Tam Đảo, khu bảo tồn làng nhà sàn sinh thái Thái Hải, khu vực Đồng Hỷ - Võ Nhai ... Trong những năm qua, sản phẩm du lịch khám phá hang động mạo hiểm của Thái Nguyên chưa được đầu tư khai thác. Đến nay, chỉ có một số hang động mới đi vào hoạt động phục vụ khách du lịch như: Hang Phượng Hoàng - Suối Mỏ Gà (huyện Võ Nhai), chùa Hang (huyện Định Hóa).

4.1.3. Tổ chức không gian du lịch

Các không gian chính phát triển hiện nay: Theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên, đã hình thành năm không gian du lịch trọng điểm với hướng phát triển sản phẩm có những đặc thù riêng phù hợp với đặc điểm tài nguyên du lịch, vị trí địa lý và các điều kiện kinh tế - xã hội, bao gồm: Khu du lịch sinh thái Hồ Núi Cốc; Khu du lịch ATK Định Hóa – Phú Lương; Khu trung tâm thành phố Thái Nguyên; Khu du lịch Đồng Hỷ - Võ Nhai và Khu vực thành phố Sông Công, Phổ Yên, huyện Phú Bình.

Hệ thống các điểm, tuyến, khu du lịch: tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các tuyến du lịch tham quan gắn với các di tích lịch sử, văn hoá và phong tục, tập quán đặc sắc:

- Tour du lịch trải nghiệm văn hóa kết hợp sinh thái nghỉ dưỡng: Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam; Không gian văn hóa trà và vùng chè

Tân Cương; Khu du lịch Quốc gia Hồ Núi Cốc; Không gian văn hóa trà và vùng chè Tân Cương; Khu bảo tồn làng nhà sàn dân tộc sinh thái Thái Hải; Trung tâm Thương mại và du lịch Dũng Tân.

- Tour du lịch về nguồn: Khu di tích quốc gia nơi tưởng niệm 60 cán bộ, đội viên thanh niên xung phong Đại đội 915, Đội 91 Bắc Thái - Đền Đuôm - Khu di tích Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa.

- Tuyến du lịch nối các điểm tham quan trong tỉnh với các điểm du lịch của các tỉnh lân cận, gồm: Thành phố Thái Nguyên-Hồ Núi Cốc, vùng chè Tân Cương - Cây đa Tân Trào (Tuyên Quang); Thành phố Thái Nguyên - Đền Đuôm - Khu du lịch ATK Định Hóa - Hồ Ba Bể (Chợ Đồn, Bắc Kạn) - Pác Bó (Cao Bằng); Thành phố Thái Nguyên - Chùa Hang - Hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà - Động Tam Thanh, Nhị Thanh (Lạng Sơn); Thành phố Thái Nguyên - Tam Đảo (Vĩnh Phúc) - Hồ Đại Lải (Vĩnh Phúc); Thành phố Thái Nguyên - Đền Hùng (Phú Thọ); Thành phố Thái Nguyên - Côn Sơn, Yên Tử, Đền Kiếp Bạc (Hải Dương).

Nhìn chung, Thái Nguyên có nhiều điểm du lịch với dịch vụ tham quan, trải nghiệm du lịch sinh thái, tâm linh, tham quan di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng mang tính đặc thù cao.

4.1.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch

Từ năm 2020 đến 2022, tổng số CSLTDL tăng cả về số lượng và chất lượng với tốc độ tăng trưởng bình quân các năm trong giai đoạn 2018-2022 đạt 0,89%. Số phòng CSLTDL tăng từ 6.499 lên 6.737 trong giai đoạn nghiên cứu với mức tăng trưởng bình quân đạt 0,98%/ năm. Theo báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tính đến hết năm 2022, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 464 cơ sở lưu trú du lịch (trong đó có 7 khách sạn 3 sao, 9 khách sạn 2 sao, 7 khách sạn 1 sao, 28 khách sạn đạt tiêu chuẩn và 399 cơ sở lưu trú hạng nhà nghỉ, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê).

Bảng 3: Số cơ sở lưu trú du lịch tại Thái Nguyên giai đoạn 2018-2022

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	2021	2022	Tăng trưởng BQ (%)
Số cơ sở lưu trú	Cơ sở	451	421	417	460	464	0,89
So với năm trước	Cơ sở		-30	-4	43	4	
Số phòng nghỉ	Phòng	6.499	6.213	6.257	6.677	6.737	0,98
So với năm trước	Phòng		-286	44	420	60	
Số giường	Giường	8.744	8.607	8.493	9.126	9.214	1,38
So với năm trước	Giường		-137	-114	633	88	

Về cơ sở ăn uống, trong 5 năm qua, cơ sở vật chất kỹ thuật cung cấp dịch vụ nhà hàng tỉnh Thái Nguyên đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, Sông Công và thành phố Phổ Yên đã có nhiều cơ sở cung cấp dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách (cả trong và ngoài CSLTDL). Toàn tỉnh hiện có trên 100 nhà hàng có sức chứa lớn, nhiều nhà hàng chất lượng cao có quy mô công suất phục vụ đoàn 1.000 khách.

Thái Nguyên có hệ thống các sân thể thao, bể bơi, công viên vui chơi giải trí tương đối phát triển phục vụ cho các kỳ nghỉ dưỡng của du khách gồm: 12 điểm vườn du lịch sinh thái, các cơ sở massage, 12 phòng họp dùng cho hội nghị hội thảo quốc tế, chuyên đề với 2.000 ghế và các dịch vụ tại các khách sạn lớn (Sở VH TTDL tỉnh Thái Nguyên, 2022).

Hệ thống giao thông: Đến nay, toàn tỉnh có gần 5.000km đường bộ tạo thành mạng lưới giao thông rộng khắp, kết nối giao thương trong tỉnh và với các tỉnh, thành lân cận. Nhiều dự án quan trọng đã và đang được triển khai. Hệ thống đường sắt và đường sông chưa phát triển phù hợp cho phục vụ khách du lịch.

Hệ thống cung cấp điện, nước: Nguồn điện cung cấp cho Thái Nguyên chủ yếu từ mạng lưới điện quốc gia. Hệ thống cấp điện được xây dựng tương đối đồng bộ và kết nối chung với mạng lưới điện quốc gia. Hệ thống cung cấp nước sạch đạt

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2022

tiêu chuẩn được đồng bộ trong toàn tỉnh. Đến năm 2020, có 95% người dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Hệ thống thông tin liên lạc - viễn thông: Toàn tỉnh hiện có 11 đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính với 225 điểm phục vụ, 1.600 điểm thu phát sóng điện thoại di động, mạng lưới cáp quang được kéo đến 100% số xã, thị trấn trong tỉnh. Hạ tầng công nghệ thông tin được trang bị khá đầy đủ trong các cơ quan chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân mọi lúc, mọi nơi.

4.1.5. Nguồn nhân lực du lịch

Tính đến hết năm 2022, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có trên 2.700 người lao động trực tiếp trong lĩnh vực du lịch đang làm việc tại 14 khu, điểm du lịch, 460 cơ sở lưu trú du lịch, 18 công ty lữ hành du lịch... trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể. Tỷ lệ giữa lao động trực tiếp và lao động gián tiếp thường là 1/2,2. Lực lượng lao động phổ thông chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ khá cao (70%), lao động có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ thấp (30%) (Sở VH TTDL tỉnh Thái Nguyên, 2022).

4.1.6. Đầu tư phát triển du lịch

Tính đến năm 2020, nhiều dự án đầu tư của các công ty, tập đoàn như Trường An, FLC, T&T được nghiên cứu, triển khai như: dự án đường du lịch ven hồ Núi Cốc; dự án khách sạn 5 sao Crown Plaza và nhà ở thương mại kết hợp phố đi

bộ; dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao, đô thị sinh thái Đông Tam Đảo và tuyến đường kết nối với đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (Tập đoàn T&T); dự án xây dựng làng du lịch sinh thái cộng đồng Ghềnh Chè tại xã Bình Sơn.

Các hoạt động liên kết, quảng bá, xúc tiến du lịch của tỉnh trong những năm qua đã góp phần đưa hình ảnh và sản phẩm Thái Nguyên đến với đông đảo du khách trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong vùng còn chưa thực sự phát huy hiệu quả. Công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch còn hạn chế, chưa thu hút các doanh nghiệp lớn hành lớn trong nước và quốc tế liên doanh liên kết với các doanh nghiệp của tỉnh. Chưa xây dựng cơ chế hợp tác công – tư trong xúc tiến, quảng bá du lịch.

4.2. Thực trạng phát triển du lịch huyện Đại Từ những năm qua

4.2.1. Phát triển quy mô các khu du lịch, điểm du lịch

Các hoạt động du lịch tại Đại Từ được đánh giá chưa rõ nét, còn hoạt động nhỏ lẻ, mang tính chất tự phát nhiều. Một số mô hình du lịch trên địa bàn huyện Đại Từ mới mở trong những năm gần đây như (UBND huyện Đại Từ, 2020, 2021):

Mô hình du lịch nông nghiệp gắn với văn hóa trà: Với mô hình này, các sản phẩm du lịch như tham quan, trải nghiệm vùng chè, đồi chè đẹp, vườn hoa..., lưu trú, ăn uống; thăm không gian thưởng trà, khu trưng bày các sản phẩm trà có không gian rộng rãi và khu vực trải nghiệm hái chè, chế biến chè, đón và phục vụ các đoàn khách đến tham quan, trải nghiệm. Đại Từ đã thành lập các HTX du lịch cộng đồng với các dịch vụ tham quan, trải nghiệm, lưu trú, ăn uống... Hiện tại, HTX chè La Bằng và Hoàng Nông Farm là hai cơ sở kinh doanh du lịch gắn với vùng chè. Đến với HTX La Bằng, du khách có thể thưởng trà, học cách pha trà, sao chè, hái chè, chụp ảnh đồi chè, kết hợp với tắm suối và thưởng thức món ăn dân tộc ở khu nhà hàng Suối Kẹm. Đặc biệt tại khu vực Suối Kẹm có nhiều nhà hàng, homestay để du khách có thể thưởng

thức những món ăn ngon của địa phương, ngắm nhìn đồi chè và nghỉ dưỡng nơi đây.

Mô hình du lịch sinh thái nghỉ dưỡng: Hoàng Nông có khu Cửa Tử nằm trong xóm Đồng Khuân, có con suối Cửa Tử, suối Khoai bắt nguồn từ đỉnh non xanh Tam Đảo. Dòng suối này gồm 7 con thác chảy len lỏi qua những vách đá và hợp thành hồ nước mát lạnh ở một số thác. Không gian khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc (sườn Nam Tam Đảo định hướng phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; vui chơi giải trí cao cấp; du lịch MICE; du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp gắn với văn hóa chè.

Mô hình du lịch gắn với văn hóa lịch sử, tâm linh: Năm 2022, tỉnh Thái Nguyên đưa vào khai thác tuyến du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh gắn với văn hóa trà trong đó có khu Thiền viện trúc lâm Tây Trúc, di tích núi Văn, núi Võ, di tích lịch sử 27/7, khu du lịch Hồ Núi Cốc thuộc huyện Đại Từ. Huyện bước đầu đã có sự kết nối, hình thành các tour du lịch sinh thái kết hợp tham quan di tích lịch sử như: Hồ Núi Cốc - Di tích 27/7 - Thiền Viện Trúc Lâm Tây Trúc; Hồ Núi Cốc - Di tích 27/7 - Nơi thành lập cơ sở Đảng cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Không gian văn hóa Trà - suối kẹm La Bằng.

4.2.2. Phát triển sản phẩm du lịch

Các dịch vụ du lịch tại Đại Từ, đặc biệt là tại 2 xã Hoàng Nông và xã La Bằng được phát triển khá đa dạng. Bên cạnh việc cung cấp dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống, 2 khu DLST đã cung cấp thêm một số dịch vụ như: Dịch vụ cắm trại, dịch vụ du lịch nông nghiệp, dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, dịch vụ hướng dẫn viên du lịch, dịch vụ lưu trú homestay, dịch vụ du lịch sinh thái kết hợp tâm linh... và một số dịch vụ khác như: ngâm chân lá thuốc nam, câu cá, bể bơi, chụp ảnh vườn hoa – vườn chè,... Hỗ trợ phát triển những sản phẩm, làng nghề truyền thống như: chè, nấm, cây thuốc nam, các sản phẩm OCOP.

Tuy nhiên, ở Đại từ, dịch vụ liên quan đến mua sắm, giải trí hầu hết không có. Nếu có mua sắm, chủ yếu là mua các sản phẩm chè của địa phương. Đây là một điểm yếu tại sao du khách không lưu lại nơi đây lâu hơn. Nhìn chung các cơ

sở ăn uống hiện nay còn nhỏ lẻ, chưa đủ khả năng phục vụ cho lượng lớn du khách; chất lượng phục vụ và khả năng chế biến món ăn phần lớn chưa

đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và thẩm mỹ, chưa được quản lý chặt chẽ về chất lượng phục vụ, giá cả và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Bảng 4: Cơ cấu khách du lịch đến Đại Từ

Chỉ tiêu	Cơ cấu (%)
<i>1. Khu du lịch này là mục đích chính hay chỉ là một trong những điểm đến trong chuyến du lịch?</i>	
- Điểm chính	48,0
- Một vài điểm đến	52,0
<i>2. Các hình thức du lịch ở đây thuộc dạng nào?</i>	
- Phong phú	15,0
- Bình thường	60,0
- Đơn điệu	25,0

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát 100 khách du lịch đến với Đại Từ dịp hè vừa qua cho thấy, cơ cấu khách đến du lịch tại Đại Từ chủ yếu là nằm trong một vài điểm đến (chiếm 52%), còn lại số du khách lựa chọn Đại Từ là điểm chính khi đi du lịch chỉ chiếm 48%. Trong số một vài điểm đến, qua khảo sát phỏng vấn thêm thì được khách du lịch chia sẻ khách đến đây kết hợp công việc với du lịch hoặc vừa kết hợp thăm người nhà vừa kết hợp du lịch hay kết hợp thăm các điểm du lịch khác.

Sau khi khảo sát khách du lịch đến thăm quan, nghỉ dưỡng tại Đại Từ trong dịp hè vừa qua theo thang đo Likert điểm từ 1-5 cho mức độ từ Không hấp dẫn đến Rất hấp dẫn, tác giả đã tổng hợp xác định mức điểm trung bình và ý nghĩa. Kết quả nhận được về đánh giá chung của điểm du lịch qua du khách là Hấp dẫn tương ứng với

số điểm là 4,06. Nhìn chung cảm nhận của du khách về yếu tố *Cảnh quan thiên nhiên* và *Đa dạng sinh học* ở mức Hấp dẫn tương ứng với mức điểm 3,88 và 3,57 điểm. Hai tiêu chí được khách du lịch cũng đánh giá ở mức hấp dẫn là *Văn hóa địa phương*, *Chất lượng môi trường* với mức điểm tương ứng 3,98 và 3,42 điểm. Trong đó tiêu chí *Chất lượng môi trường* dù được đánh giá là hấp dẫn nhưng chỉ ở mức cận dưới. Tuy nhiên, vẫn còn 3 tiêu chí được khách du lịch đánh giá ở mức điểm Trung bình là *Chất lượng dịch vụ* với mức điểm 3,15; *Độ an toàn* với mức điểm 3,37 và *Giá cả* với mức điểm 2,94.

4.2.3. Phát triển thị trường khách du lịch

Số lượt khách du lịch đến với Đại Từ trong những năm qua như sau:

Bảng 5: Số lượt khách du lịch đến huyện Đại Từ giai đoạn 2017 – 2021

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
1	Số lượt khách	253.092	280.165	257.874	140.912	150.738
2	So sánh	(+,-)	-22.401	27.073	-22.291	-116.962
		(%)	-8,13	10,70	-7,96	-45,36

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tổng kết năm của huyện Đại Từ 2017-2021

Trong những năm qua, lượng du khách đến với Đại Từ vẫn liên tục tăng qua các năm, nhưng trong 3 năm diễn ra dịch Covid thì lượng khách sụt giảm mạnh. Qua bảng số liệu, số lượt khách đến du lịch Đại Từ, năm 2017 là 253.092 lượt người, năm 2021 là 150.738 lượt. Theo thống kê

lượng khách đến thăm quan điểm sinh thái suối Kẹm - La Bằng qua trạm thu vé tham quan của Vườn quốc gia Tam Đảo khoảng 15.000 lượt người/năm. Khách quốc tế tuy không phải là khách hàng mục tiêu nhưng lại là một thị trường có thể cho doanh thu lớn, vì đây là những du khách

sẵn sàng chi trả cao và có ý thức bảo vệ môi trường sinh thái rất tốt. Tuy nhiên, số du khách này đến với Đại Từ không nhiều. Nguyên nhân mà các điểm du lịch của Đại Từ chưa hấp dẫn du khách có thể là do trình độ ngoại ngữ của đội ngũ lao động ở nơi đây còn yếu, tại các khu du lịch chưa có bảng chỉ dẫn bằng tiếng nước ngoài, các tờ quảng cáo cũng chỉ có tiếng Việt, chất lượng cơ sở lưu trú, dịch vụ còn kém chưa đáp ứng được yêu cầu của khách.

Khi khảo sát các khách du lịch đến với Đại Từ thì đến 92% du khách trả lời là sẽ quay lại, chỉ có 8% trả lời Không. Con số này bước đầu thể hiện sức thu hút và tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của Đại Từ.

4.2.4. Kết quả kinh doanh du lịch

Bảng 6: Tổng hợp một số chỉ tiêu du lịch huyện Đại Từ giai đoạn 2016 – 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	2020	2021
1	Doanh thu	Tr.đồng	47.276	55.278	50.697	26.958	29.654
2	Đóng góp ngân sách	Tr.đồng	6,78	8,56	7,61	3,56	4,45
3	Số việc làm	Người	1.046	1.326	1.460	958	1.015
4	Số nhà hàng, khách sạn	Nhà	150	200	215	217	225

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tổng kết năm của huyện Đại Từ 2017-2021

4.2.5. Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch

Theo Báo cáo tổng kết năm của UBND huyện thống kê trên địa bàn huyện có trên 80 cơ sở lưu trú với hơn 500 phòng nghỉ các loại (trong đó có hơn 300 phòng nghỉ có đầy đủ tiện nghi). Các cơ sở lưu trú chủ yếu nằm dọc theo tuyến

Kết quả về doanh thu, đóng góp ngân sách, số việc làm, số nhà hàng, khách sạn từ năm 2017-2021 từ dịch vụ du lịch huyện Đại Từ được thể hiện qua bảng dưới. Năm 2017, doanh thu du lịch đạt 47.276 tỷ đồng, đến năm 2019 là 50,697 triệu đồng và giảm xuống còn 26,958 triệu đồng năm 2020 và 26,958 triệu đồng năm 2021. Đến năm 2020, tỷ trọng doanh thu từ du lịch so với doanh thu của cả huyện là 12,2%, doanh thu đạt 26,958 tỷ đồng (giảm về mặt tuyệt đối là 25,625 tỷ đồng). Những con số này minh chứng cho sự tổn thất nặng nề về mặt kinh tế khi chịu ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, số lượng khách sạn và nhà hàng lại tăng so với trước đại dịch. Năm 2019 huyện có 215 nhà hàng và khách sạn, con số này tăng lên 2017 năm 2021 và 225 năm 2025.

đường Quốc lộ 37 kéo dài từ xã Cù Vân (giáp huyện Phú Lương) đến xã Yên Lãng (giáp huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang) và nằm gần khu du lịch Hồ Núi Cốc. Kết quả khảo sát khách du lịch đánh giá về điều kiện lưu trú tại các điểm du lịch trên địa bàn huyện Đại Từ như sau:

Bảng 7: Đánh giá về điều kiện lưu trú tại các điểm du lịch huyện Đại Từ

Điểm lưu trú	Điểm trung bình	Ý nghĩa
Khách sạn	3,12	Bình thường
Nhà dân	2,57	Kém
Homestay	2,43	Kém
Lều trại	2,41	Kém
Bungalow	2,54	Kém
Nhà sàn	2,38	Kém

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Hiện tại, trên địa bàn xã La Bằng có 5 nhà hàng phục vụ ăn uống và kinh doanh dịch vụ nghỉ lưu trú Homestay, gồm: La Bằng xanh, Huệ Phúc, La Bằng homestay, Tân Sơn quán, Nhà hàng suối

Kem. (Trong đó: 04 cơ sở được cấp phép, 01 chưa được cấp phép, công suất phục vụ lên tới 500 người/ngày). Có 1 bể bơi đảm bảo tiêu chuẩn tập luyện. Vào thời điểm mùa hè, có những ngày thứ

7, chủ nhật lượng khách đến với khu vực Kẹm lên đến hàng nghìn người/ngày.

Hiện nay Hoàng Nông có 04 mô hình khu lưu trú, trong đó có 01 cơ sở được cấp phép hoạt động (Tùng homestay), còn lại 3 cơ sở do cá nhân các hộ gia đình tự xây dựng chưa được cấp phép (công suất phục vụ 120 người/ ngày). Hiện tại điểm du lịch Cửa Tử có 02 địa điểm giữ xe máy, 01 địa điểm giữ ô tô, 04 cơ sở nhà hàng (01 cơ sở được cấp phép, 03 tự phát, công suất phục vụ được 250 người/ngày).

Kết cấu hạ tầng ở những vùng có thể phát triển du lịch còn kém, chưa được đầu tư tương xứng. Cơ sở nhà hàng, khách sạn đạt tiêu chuẩn trên địa bàn còn ít. Tính đến tháng 6 năm 2021 ngoài khu du lịch Hồ Núi Cốc thì huyện Đại Từ chưa có điểm du lịch địa phương nào được công nhận.

Với kết quả khảo sát này chúng ta thấy rằng ngoại trừ các khách sạn được du khách đánh giá ở mức Bình thường, còn tất cả các điểm lưu trú khác như nhà dân, nhà sàn, homestay, lều trại hay Bungalow đều được đánh giá ở mức Kém.

4.2.6. Phát triển nguồn lực du lịch

Về chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho du lịch tại Đại Từ chưa cao. Hàng năm UBND huyện cũng đã chủ động phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về công tác du lịch cho cán bộ phụ trách lĩnh vực tham gia, chọn cử cán bộ tham gia tập

huấn nghiệp vụ do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhưng lao động trong các khu du lịch tại Đại Từ vẫn còn rất yếu về chuyên môn và trình độ ngoại ngữ, chưa đáp ứng được thị trường khách chi trả cao, đặc biệt là khách quốc tế. Nhìn chung, nguồn nhân lực du lịch tại Đại Từ còn thiếu và yếu, đặc biệt đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên, nhân viên kỹ thuật cần được tăng cường đào tạo về nghiệp vụ, cần được quan tâm và đầu tư hơn nữa để đáp ứng được nhu cầu khách du lịch.

Về vốn đầu tư, tổng kinh phí dự kiến đầu tư cho du lịch Đại Từ giai đoạn 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND huyện Đại Từ với tổng kinh phí là 296 tỷ đồng cho các hạng mục: Quy hoạch và xây dựng hạ tầng các điểm du lịch: 120 tỷ đồng; Xây dựng hạ tầng khu di tích lịch sử quốc gia Núi Văn Núi Võ: 100 tỷ đồng; Mở rộng và xây dựng hạ tầng di tích lịch sử quốc gia 27/7: 40 tỷ đồng; Mở rộng và tôn tạo di tích lịch sử quốc gia nơi thành lập cơ sở Đảng cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tại xã La Bằng: 22 tỷ đồng; Sửa chữa nâng cấp di tích lịch sử Thanh niên xung phong: 10 tỷ đồng.

4.2.7. Liên kết và quảng bá phát triển du lịch

Bảng 8: Cơ cấu khách du lịch đến khu du lịch tại Đại Từ

Chỉ tiêu	Cơ cấu (%)
<i>1. Quý vị biết đến khu du lịch này bằng cách nào?</i>	
- Lần trước đến	22,0
- Phương tiện truyền thông	1,0
- Bạn bè, người thân	63,0
- Bài viết, tạp chí, phim	1,0
- Hướng dẫn viên	1,0
- Đại lý du lịch	2,0
- Sách hướng dẫn du lịch	0,0
- Nguồn khác	10,0
<i>2. Quý vị có giới thiệu khu du lịch này cho bạn bè, người thân không?</i>	
- Có	89,0
- Không	0
- Phân vân	11,0

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Với kết quả khảo sát này, tỷ lệ khách giới thiệu khu du lịch này cho bạn bè, người thân vào các dịp nghỉ năm sau rất cao, chiếm 89% còn 11% khách du lịch đang phân vân. Không có khách nào cho rằng sẽ không giới thiệu, quảng bá cho bạn bè, người thân dù dịch vụ tại các điểm du lịch nơi đây còn sơ sài, chất lượng chưa tốt nhưng cũng có sức hấp dẫn riêng.

Theo số liệu trên ta nhận thấy tỷ lệ khách biết thông tin về điểm du lịch đến với khách chủ yếu là từ bạn bè và người thân giới thiệu tới 63%. Còn lại là nguồn thông tin mà du khách biết đến do lần trước đã từng đi (22%) hay thông qua đại lý du lịch, sách hướng dẫn du lịch hay mạng internet. Nhưng vấn đề đặt ra ở đây, số du khách biết thông tin qua sách hướng dẫn du lịch và hướng dẫn viên du lịch chủ yếu là khách quốc tế và khách đi theo tour. Còn lượng khách biết thông tin qua mạng internet, chủ yếu là các bạn trẻ là học sinh, sinh viên. Trong khi đó qua phương tiện truyền thông hay tạp chí thì khách lại không qua kênh thông tin này. Qua ý kiến trên ta nhận thấy rằng công tác quảng bá xúc tiến đã có nhưng hầu như tất cả các hình thức trên đều bó hẹp trong phạm vi của tỉnh hay của huyện. Vì vậy công tác quảng bá, xúc tiến ngày càng phải được quan tâm hơn nữa.

4.3. Đánh giá về thực trạng phát triển du lịch huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

4.3.1. Những mặt đạt được

Trong những năm qua, du lịch huyện Đại Từ đã được những thành tựu đã ghi nhận. Mặc dù, chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid trong năm 2020-2022, nhưng hàng trăm ngàn du khách trong và nước ngoài đang lưu trú trong tỉnh và tại Việt Nam đã đến với các khu du lịch của Huyện Đại Từ thăm quan. Đó là những kết quả đáng khích lệ.

Tỉnh và huyện Đại Từ đã kịp thời xây dựng đề án phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, đây là những chính sách hữu hiệu và kịp thời để các tổ chức quản lý nhà nước về du lịch và các cơ sở kinh doanh dịch vụ liên quan tới du lịch có được định hướng và sự hỗ trợ kịp thời trong giai đoạn khó khăn hậu của hậu Covid.

Về sản phẩm du lịch, Đại Từ là địa phương có phong phú nguồn tài nguyên du lịch gắn với vùng chè. Huyện Đại Từ có khá nhiều điểm đến du lịch đẹp như khu Nam Hồ Núi Cốc, Suối Kẹm. Thác Đát ngao, Cửa Tử, Hoàng Nông Farm, vùng nguyên liệu chè, các khu di tích lịch sử và địa điểm tâm linh khác. Đây là cơ sở để huyện Đại Từ đẩy mạnh hơn nữa loại hình du lịch sinh thái, du lịch gắn với vùng chè và du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng.

Tỉnh Thái Nguyên cũng như huyện Đại Từ, các sở ban ngành cũng đã chú trọng đến hoạt động đào tạo để tăng cường lực lượng cho ngành du lịch.

4.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Du khách đến với Đại Từ chủ yếu là du khách nội địa, đến từ các địa phương khác trong tỉnh hoặc các tỉnh lân cận, thường đến thăm và trở về trong ngày, khách lưu trú lại chưa cao.

Việc triển khai chính sách phát triển du lịch vẫn còn chậm do ảnh hưởng của đại dịch Covid đến giữa năm 2022. Tỉnh và Huyện vẫn thiếu cơ chế đặc thù riêng của cho các khu được quy hoạch phát triển du lịch gắn với nông nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng. Điển hình như việc chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất dịch vụ gặp rất nhiều khó khăn.

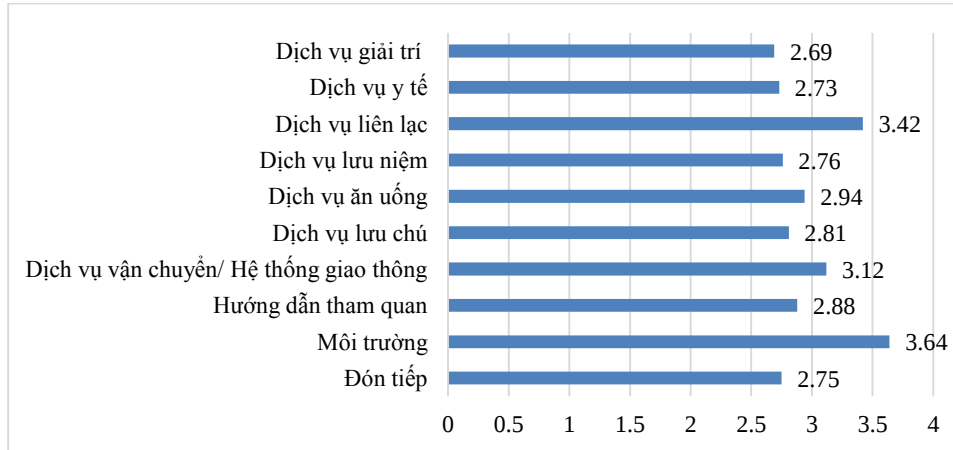
Về sản phẩm du lịch, mặc dù, huyện Đại từ đã có 1 số mô hình du lịch nhưng các mô hình du lịch còn hạn chế về quy mô và chất lượng dịch vụ, các sản phẩm du lịch tại các điểm đến chưa phong phú. Các hoạt động du lịch còn manh mún, thiếu đầu tư bài bản. Cụ thể như khu du lịch Hồ Núi Cốc, các dịch vụ nghèo nàn, thiếu đầu tư chăm sóc tốt. Các điểm đến du lịch và khu du lịch tại vùng chè đều chưa được đầu tư bài bản, thiết kế đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của du khách. Chưa làm tốt công tác truyền thông đủ thu hút khách ngay cả trong và ngoài tỉnh.

Về các hoạt động xúc tiến du lịch, huyện chưa có website quảng bá du lịch riêng của huyện Đại Từ, thông tin hạn chế. Các hoạt động xúc tiến như quảng cáo, PR, khuyến mãi,... chỉ có một số ít cơ sở du lịch chú ý và quan tâm đến, còn rất

nhiều các cơ sở chưa tiếp cận được nên các thông tin về các cơ sở du lịch còn rất hạn chế, nghèo nàn.

Lực lượng tham gia vào các hoạt động du lịch chủ yếu mang tính chất quy mô hộ gia đình, mang tính tự phát. Hầu hết, là kinh doanh tự phát, thiếu kiến thức và kỹ năng về làm du lịch, chưa qua đào tạo bài bản.

Về cơ sở vật chất, hiện nay đường sá, giao thông vẫn còn là trở ngại ngăn cách khu du lịch sinh thái La Bằng, Hoàng Nông với du khách bên ngoài. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhiều cơ sở có thể là chưa đầy đủ hoặc một số đã bị xuống cấp chưa được tân trang lại, nên không thể đáp ứng tốt nhất yêu cầu của du khách.



Hình 1. Đánh giá của du khách về chất lượng chuyến du lịch

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Như vậy, cảm nhận chung về chất lượng sản phẩm là chưa tốt, trừ mỗi tiêu chí về Môi trường được đánh giá ở mức Tốt, đạt 3,64 điểm, tất cả các tiêu chí còn lại đều được đánh giá ở mức Trung bình.

4.4. Một số giải pháp phát triển du lịch huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

4.4.1. Hoàn thiện quy hoạch, phát triển đa dạng hóa sản phẩm du lịch huyện Đại Từ

Trong công tác xây dựng quy hoạch cần tính đến vấn đề khai thác sử dụng hợp lý và phát triển các nguồn tài nguyên du lịch, đảm bảo sự phát triển bền vững hệ sinh thái đồng thời bảo tồn được các giá trị của các tài nguyên đó. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để xây dựng và phát triển các mô hình du lịch như: mô hình du lịch lịch sử, mô hình du lịch nông nghiệp công nghệ cao, mô hình du lịch sinh thái vườn kết hợp với ẩm thực, mô hình du lịch nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái...

Cần đa dạng hoá, nâng cao chất lượng du lịch bằng cách xây dựng một hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng và phong phú. Tổ chức các tour du lịch mới, hấp dẫn đưa khách du lịch bằng việc phối kết hợp với dân cư địa phương khách du lịch

được tham gia cùng người dân trong mọi hoạt động sản xuất và được ăn ngủ tại ngôi nhà của họ. Cần bảo tồn và phát huy các lễ hội bằng cách đưa du khách tham gia các lễ hội dân tộc với những môn thể thao, trò chơi, hoạt động ẩm thực dân tộc. Hoạt động này cần được tổ chức thường xuyên, tạo cơ hội cho du khách được đắm mình trong không khí lễ hội, được tham gia trực tiếp vào các hoạt động vui chơi giải trí.

4.4.2. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn miền núi để hoàn thiện hệ thống giao thông trong vùng. Bên cạnh đó, cần nâng cấp những tuyến, điểm xe buýt nối liền từ trung tâm đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện để thuận tiện cho việc đi lại của khách du lịch.

Đầu tư công nghệ đường truyền tốc độ nhanh, nâng cao hiệu quả phát triển của mạng công nghệ thông tin. Đầu tư nâng hệ thống điện, hệ thống nước sạch, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đầu tư trang thiết bị, đội ngũ y tế cơ sở. Sửa sang, nâng cấp tiến tới hiện đại hóa các trang thiết bị tiện nghi trong các nhà nghỉ để không chỉ phục

vụ tốt khách du lịch trong nước mà còn đủ điều kiện phục vụ khách quốc tế.

Nâng cấp các nhà nghỉ hiện có, các khu nhà nghỉ phải được xây dựng trên cơ sở quy hoạch khoa học, kiểu dáng, kiến trúc cũng như quy mô phải hài hòa, phù hợp với việc phát triển loại hình du lịch tại đây, tránh làm phá vỡ mất cảnh quan thiên nhiên.

Xây dựng thêm một số nhà hàng, hệ thống các cơ sở ăn uống tại các điểm du lịch mang kiểu dáng truyền thống (nhà sàn) phù hợp với loại hình du lịch, chú trọng đến việc tạo cảnh quan gần gũi với thiên nhiên, mang tính quê hương. Xây dựng thêm một số điểm nghỉ ngơi khu vui chơi, giải trí và thư giãn như: quán cà phê nhỏ, phòng đọc sách.

4.4.3. Tăng cường chất lượng nguồn lực du lịch

Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực mới, thường xuyên tổ chức tập huấn nội dung quản lý nhà nước về du lịch sinh thái, văn hóa du lịch cho đội ngũ cán bộ. Cử các đội ngũ lao động đi học các lớp quản lý du lịch để nâng cao nghiệp vụ và học thêm các lớp ngoại ngữ để giao tiếp tốt với khách du lịch quốc tế.

Tổ chức đào tạo và đào tạo lại cán bộ công nhân viên cho ngành du lịch dưới nhiều hình thức tại chỗ, gửi đến các trường dạy nghề du lịch, các khóa học tại chức ngắn hạn, dài hạn hoặc thường xuyên tổ chức các hội thảo về du lịch, các cuộc thi chuyên môn tay nghề để trao đổi học hỏi kinh nghiệm và trao đổi những chuyên môn nghiệp vụ giữa các nhân viên trong ngành du lịch... Đặt hàng, đưa chương trình đào tạo du lịch vào các trường đại học, cao đẳng, trường dạy nghề trên địa bàn thành phố.

Cần thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chính sách tuyển dụng, sắp xếp sử dụng đãi ngộ lao động, từng bước trẻ hóa đội ngũ lao động và tận dụng được các hướng dẫn viên du lịch là người dân địa phương.

4.4.4. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân địa phương

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, xúc tiến, quảng bá du lịch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền để từng bước hình thành văn hóa du lịch, kỹ năng du lịch cho tổ chức, doanh nghiệp và

cộng đồng. Tổ chức các buổi tuyên truyền, các khóa học nâng cao nhận thức về du lịch cho người dân địa phương. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu du lịch của địa phương kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; ứng dụng công nghệ số, xanh trong hoạt động du lịch.

Cần áp dụng tổng hợp các hình thức tiếp thị du lịch để nâng cao hiệu quả du lịch như quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền trên website; mạng xã hội, xây dựng các phóng sự, các ấn phẩm tuyên truyền, quảng bá giới thiệu du lịch Đại Từ, bản đồ du lịch Đại Từ, sách Cẩm nang du lịch Đại Từ, Đất và người Đại Từ,...

5. Kết luận

Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng phát triển du lịch huyện Đại Từ qua sự phát triển về quy mô các khu điểm du lịch, sản phẩm du lịch, thị trường khách du lịch, kết quả kinh doanh, phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, phát triển nguồn lực và mức độ liên kết và quảng bá phát triển du lịch. Đồng thời thực hiện khảo sát các khách du lịch đến với Đại Từ và các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn. Kết quả cho thấy bên cạnh những mặt đạt được thì du lịch huyện Đại Từ vẫn còn nhiều tồn tại như khách du lịch chủ yếu chỉ là du khách nội địa (khoảng 92%), cơ cấu khách du lịch lựa chọn Đại Từ là một trong một vài điểm đến (chiếm 52%), lượng khách lưu trú không cao, các sản phẩm du lịch chưa phong phú (25% du khách được khảo sát cho rằng sản phẩm đơn điệu, 60% đánh giá ở mức trung bình), dịch vụ nghèo nàn, thiếu đầu tư bài bản (3 tiêu chí được khách du lịch đánh giá ở mức điểm trung bình là Chất lượng dịch vụ với mức điểm 3,15; Độ an toàn với mức điểm 3,37 và Giá cả với mức điểm 2,94), việc triển khai chính sách phát triển du lịch vẫn còn chậm, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đầy đủ, chưa làm tốt công tác truyền thông (thông tin về điểm du lịch đến với khách chủ yếu là từ bạn bè và người thân giới thiệu, chiếm 63%), lực lượng lao động tham gia còn thiếu kiến thức và kỹ năng về làm du lịch, chưa qua đào tạo bài bản.

Từ thực tế này, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp tổng thể nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch trên địa bàn huyện Đại Từ trong thời gian tới như: hoàn thiện quy hoạch, phát triển đa dạng hóa sản phẩm du lịch huyện Đại Từ đảm bảo hợp lý,

phát triển các nguồn tài nguyên du lịch bền vững; đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật; tăng cường chất lượng nguồn lực du lịch và tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đại Từ. (2020). *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025*
- [2]. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên. (2022). *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2022*.
- [3]. Nguyễn Thế Hải và các cộng sự. (2023). Nghiên cứu thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin tại một số mô hình du lịch nông nghiệp tại Thái Nguyên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*. Số 228(15) trang 63 – 70.
- [4]. Nguyễn Thị Nguyên Hồng và Vũ Đức Minh. (2020). *Giáo trình Kinh tế Du lịch*. NXB Thống kê.
- [5]. Lê Văn Minh. (2015), *Xu hướng phát triển thị trường khách du lịch quốc tế và sản phẩm du lịch của Việt Nam*, <http://www.itdr.org.vn/vi/nghiencuu-traodoi>
- [6]. Phạm Thị Thu Nga, Mã Xuân Vinh, Nguyễn Công Trường, Nguyễn Minh Hương. (2024). Phát triển du lịch MICE tại thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp. *HUFLIT Journal of Science*. Tháng 1/2024.
- [7]. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thái Nguyên. (2021). *Báo cáo số 515/BC-SVHTTDL ngày 12/3/2021 Báo cáo đánh giá điều kiện tự nhiên, KT-XH và thực trạng phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2015-2020)*
- [8]. UBND huyện Đại Từ. (2020). *Đề án số 04/ĐA-UBND về “Phát triển du lịch gắn với bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện Đại Từ giai đoạn 2021 - 2025*.
- [9]. UBND huyện Đại Từ. (2021). *Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 16/10/2021 về thực hiện “Đề án phát triển du lịch của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Đại Từ*.
- [10]. UBND tỉnh Thái Nguyên. (2021). *Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 về việc ban hành Đề án phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*.

Thông tin tác giả:

1. Phạm Thị Thanh Mai

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: maiptt.tueba@gmail.com

2. Nguyễn Mạnh Hùng

- Đơn vị công tác: Trung tâm phát triển công nghệ mới – ĐH Thái Nguyên

3. Dương Thị Phương Thảo

- Đơn vị công tác: Sinh viên lớp K18 QTKD D, Trường ĐH Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

Ngày nhận bài: 9/3/2024

Ngày nhận bản sửa: 28/3/2024

Ngày duyệt đăng: 29/3/2024